

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **33/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-7-2017

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thanh Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Hữu Hiền**.

2. Bà **Võ Ngọc Các**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Phước Đạt**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2017 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số Đ, đường L, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn An Th**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số Z, đường H, khóm K, phường G, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn An Th kết hôn vào năm 2014, hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường G, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/3/2014. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, thời gian sau ông bà thường xuyên cãi vã, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vào ngày 26/12/2016 (âm lịch), bà T và ông Th lại xảy ra xung đột, cãi vã nhau rất nhiều. Trong những lúc nóng giận ông Th có lời lẽ xúc phạm mẹ ruột của bà T. Bà T cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn phù hợp, không thể chung sống với nhau được

nữa. Ông bà đã ly thân từ đầu tháng 3/2017 cho đến nay.

- Về con chung: Bà T và ông Th có một con chung là cháu Nguyễn An Kh , sinh ngày 11/5/2014.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn An Th .

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn An Kh đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng cho cháu Kh .

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bị đơn ông Nguyễn An Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Th thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn và thời gian mâu thuẫn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn ông Th cho rằng ngoài những nguyên nhân bà T trình bày thì trong những lúc nóng giận bà T cũng nhiều lần dùng những lời lẽ xúc phạm mẹ ruột của ông Th . Ông Th và bà T đã ly thân từ đầu tháng 3/2017 cho đến nay. Nay do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương chăm sóc cho nhau nữa nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông Th cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông Th và bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn An Kh , sinh ngày 11/5/2014. Hiện nay cháu Kh đang sống với bà T. Sau khi ly hôn ông Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Th không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu Kh.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Th xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông bà không hợp nhau về tính tình, do bất đồng quan điểm sống trong gia đình, ông bà thừa nhận trong những lúc nóng giận ông Th có những lời lẽ xúc phạm với mẹ ruột của bà T và ngược lại bà T

cũng có những lời lẽ xúc phạm mẹ ruột ông Th , nhiều lần ông bà gây gổ dẫn đến đánh nhau từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông, bà cũng thừa nhận đã sống ly thân với nhau từ 3/2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th cũng đồng ý ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn với ông Th .

- Về con chung: Bà T và ông Th có 01 người con chung là cháu Nguyễn An Kh , sinh ngày 11/5/2014. Hiện nay cháu Kh đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T và ông Th đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kh . Hội đồng xét xử xét thấy, từ trước đến nay cháu Kh sống chung với mẹ, cuộc sống của cháu đang ổn định và cháu Kh còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Kh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng cho cháu Kh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Nguyễn An Kh , sinh ngày 11/5/2014 mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Ông Th và bà T đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông Th và bà T đều trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn An Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn An Kh, sinh ngày 11/5/2014 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn An Th không cấp dưỡng cho cháu Nguyễn An Kh.

Ông Nguyễn An Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn An Kh mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn An Th trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn An Th trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0004970 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường G, TPST;
- Lưu HS.

Phan Thanh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Khel

Trần Thanh Toàn

Phan Thanh Loan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 13/01/2017 tại Phòng nghị án Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

1. Ông Trần Thành Tựu

2. Bà Ông Thanh Bạch

Hội đồng xét xử tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số vụ án thụ lý số 287/2016/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2016 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2016/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2016 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Thị Ngọc Phượng**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 78 đường Sóc Vò, ấp Phú Ninh A, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Trà Hồng Phúc**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 561/31 đường Tôn Đức Thắng, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

I/. Kết quả nghị án:

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử quyết định:

Áp dụng: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí toà án;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Ngọc Phượng được ly hôn với ông Trà Hồng Phúc.

2. Về con chung: Giao cháu Trà Lưu Vũ Lam (nam, sinh ngày 02/9/2003) cho bà Lưu Thị Ngọc Phượng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Lam đủ 18 tuổi và ông Trà Hồng Phúc không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trà Hồng Phúc có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Trà Lưu Vũ Lam mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Ngọc Phượng phải chịu là 200.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0003263 ngày

17/10/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bà Lưu Thị Ngọc Phượng đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Lưu Thị Ngọc Phượng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trà Hồng Phúc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

II/. Kết quả biểu quyết:

- * Hội thẩm nhân dân thứ 1: Thống nhất với các nội dung trên.
- * Hội thẩm nhân dân thứ 2: Thống nhất với các nội dung trên.
- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với các nội dung trên.
- * Tổng số ý kiến biểu quyết thống nhất: 03/03; không có ý kiến khác.

Biên bản kết thúc cùng ngày có đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bích Tuyền